TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂNBÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1114/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13/11/2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Trần Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Minh Tuân

2/ Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Út – Thư ký của Tòa án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 594/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Ngọc H, sinh năm 1989;

Địa chỉ: 604 chung cư 19 C, Phường B, Quận T, TP. H;

Địa chỉ liên lạc: 623 Đường H3, Phường B, Quận T, TP. H. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1991, trú tại:441/15B đường P, Phường N, quận T1, TP. H. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1978;

Địa chỉ: 604 chung cư 19 C, Phường B, Quận T, TP. H; (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn H1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 196, quyển số 01/2013 ngày 08/10/2013 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, TP. H.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H1 không quan tâm chăm sóc gia đình và vợ con, thường xuyên không về nhà. Ông H1 thiếu sự tin tưởng đối với bà nên ghen tuông vô cớ làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Giữa bà và gia đình nhà chồng còn phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp về cách sống. Từ năm 2015 bà và ông H1 đã sống ly thân. Trong suốt thời gian sống ly thân ông H1 không có biện pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Nay, nhận thấy tình cảm dành cho ông H1 không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đỗ K, sinh ngày 21/11/2014, ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên đơn xác định không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Ông không đồng ý yêu cầu ly hôn vì theo ông mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không lớn, lý do bà H yêu cầu ly hôn không thỏa đáng. Về con chung: Ông xác định có 01 con chung tên Nguyễn Đỗ K, sinh ngày 21/11/2014, nếu phải ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung: Ông H1 xác định không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Về con chung: Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Nguyên đơn xác định không có.

Bị đơn trình bày mặc dù giữa hia vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn. Bị đơn không đồng ý ly hôn vì vẫn còn yêu thương vợ con, ông

mong muốn bà H suy nghĩ lại. Về con chung: Nếu phải ly hôn ông H1 đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bị đơn xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 196, quyển số 01/2013 ngày 08/10/2013 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, TP. H thì quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn H1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh.

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Do bị đơn hiện đang cư trú tại Phường B, Quận T, TP. H căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn vì cho rằng quan hệ hôn nhân giữa hai ông bà đã có nhiều mâu thuẫn trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân do ông H1 không quan tâm chăm sóc gia đình và vợ con, thường xuyên không về nhà. Ông H1 không tin tưởng vợ nên hay ghen tuông vô cớ làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt. Giữa bà và gia đình nhà chồng còn phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp về cách sống. Từ năm 2015 bà và ông H1 đã sống ly thân. Trong suốt thời gian sống ly thân ông H1 không có biện pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm, hiện nay vẫn chưa giải quyết được mâu thuẫn giữa các bên. Tại phiên tòa, bà H xác định không còn tình cảm với chồng và kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông H1. Ông H1 trình bày nguyên nhân mâu thuẫn không đến mứt phải ly hôn, ông vẫn còn tình cảm với vợ nhưng lại không đưa ra được phương án để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; cả hai đã sống ly thân. Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để hai bên hàn gắn hạnh phúc gia đình, tuy nhiên cả hai vẫn không cải thiện được mâu thuẫn. Xét, tình trạng hôn nhân của hai đương sự thực sự

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không thể cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà H và ông H1 xác định có 01 con chung tên Nguyễn Đỗ K, sinh ngày 21/11/2014, ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng. Ông H1 đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông H1 đồng ý cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng. Xét hiện nay trẻ Nguyễn Đỗ K do bà H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà H có việc làm và thu nhập ổn định. Để ổn định cuộc sống và tinh thần cho trẻ, tạo điều kiện cho trẻ không bị xáo trộn trong việc học hành và ổn định về mặt tâm sinh lý cho trẻ, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cả hai xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Ngọc H chịu án phí về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ông Nguyễn Văn H1 phải nộp án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc H;

- Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

- Về con chung : Giao con chung tên Nguyễn Đỗ K, sinh ngày 21/11/2014 cho bà Đỗ Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H1 chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu thêm tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm thực hiện tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Ngọc H chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà H đã nộp theo biên lai thu số 0008538 ngày 26/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn H1 phải nộp án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM**;**
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, TP. H;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Trần Ái Vy